TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 01 tháng 9 năm 2017
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phạm Tuân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Ngọc Cúc
2. Ông Nguyễn Văn A

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Đào Duy Mạnh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Trung Kiên– Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện VC, tỉnh ĐN xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 211/2017/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2017 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2017/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Bùi Thị L, sinh năm 1976; Địa chỉ: Số 147/4 Tổ 8, Ấp 4, xã VT, huyện VC, tỉnh ĐN; Chỗ ở hiện nay: Tổ 9, Ấp 4, xã VT, huyện VC, tỉnh ĐN (có mặt).

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1968; Địa chỉ: Số 147/4 Tổ 8, Ấp 4, xã VT, huyện VC, tỉnh ĐN (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và lời khai có tại hồ sơ nguyên đơn chị Bùi Thị L trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Nguyễn Văn D tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã VT, huyện VC, tỉnh ĐN và được UBND xã VT cấp giấy chứng nhận kết hôn số 116, quyển số 01 ngày 19/12/2002. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh D thường xuyên đánh bạc, uống rượu về nhà đánh đập tôi rất nhiều lần trúng vào mặt và thân thể gây thương tích nhẹ, xúc phạm danh dự nhân phẩm của vợ và gia đình bên vợ, mâu thuẫn về kinh tế gia đình. Tháng 2/2017 anh D đuổi tôi ra khỏi nhà. Còn anh D cho rằng tôi ngoại tình với người đàn ông khác bên ngoài thì anh diện phải cung cấp chứng cứ chứng minh. Nay tôi xác định tình cảm giữa tôi và anh D không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh D.

- Về con chung: Tôi và anh D chung sống với nhau có 03 con chung gồm: Nguyễn Chí T1, sinh ngày 15/8/1994, Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 12/4/2002; Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 26/42004. Sau khi ly hôn, tôi yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung H và T, còn T1 đã trưởng thành có khả năng lao

động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Nguyễn Văn D vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 19/7/2017 có tại hồ sơ, anh Nguyễn Văn D trình bày:* Tôi và chị Bùi Thị L tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã VT, huyện VC, tỉnh ĐN và được UBND xã VT cấp giấy chứng nhận kết hôn số 116, quyển số 01 ngày 19/12/2002. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị L ngoại tình với người đàn ông khác bên ngoài từ đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống. Tôi phát hiện chị L ngoại tình qua tin nhắn gửi vào số điện thoại của chị L, chị L thừa nhận ngoại tình với người đàn ông khác và viết giấy cam kết từ bỏ. Nay chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với tôi thì tôi không đồng ý ly hôn vì tôi theo đạo công giáo, giáo luật quy định không được phép ly hôn và tôi không thể ký nhận bất kỳ văn bản giấy tờ gì khác.

- Về con chung: Tôi thống nhất với trình bày của chị L về con chung và đồng ý yêu cầu nuôi con chung của chị L. Nếu chị L không đảm bảo việc ăn học, phát triển cho các con thì tôi yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Nguyên đơn chị Bùi Thị L khởi kiện xin ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1968; Địa chỉ: Số 147/4 Tổ 8, Ấp 4, xã VT, huyện VC, tỉnh ĐN. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện VC.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/72017 có tại hồ sơ, anh D có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt anh tại phiên tòa. Xét yêu cầu của anh D là hợp lệ, phù hợp quy định của pháp luật nên được xem xét chấp nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh D tại phiên tòa.

Về nội dung:

[1].Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị L và anh Nguyễn Văn D tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã VT, huyện VC, tỉnh ĐN và được UBND xã VT cấp giấy chứng nhận kết hôn số 116, quyển số 01 ngày 19/12/2002 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, chị L vẫn kiên quyết đề nghị HĐXX giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn D do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Còn bị đơn anh D vắng mặt tại phiên tòa nhưng lời khai có tại hồ sơ anh D không đồng ý ly hôn với chị L do anh theo đạo công giáo, giáo luật quy định không được phép ly hôn (Bút lục số 18-19). Xét thấy, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa anh D và chị L là do anh D thường xuyên đánh bạc, mắc nợ người khác nhiều lần chị phải đứng ra trả nợ thay cho anh D; nhiều lần anh D uống rượu về nhà đánh đập chị, xúc phạm danh dự nhân phẩm chị và gia đình bên chị; anh D ghen tuông cho rằng chị L có người đàn ông khác bên nhưng không cung cấp được cho Tòa án chứng cứ xác thực như hình ảnh, video… chứng minh chị L ngoại tình mà chỉ cung cấp cho Tòa án bản phô tô giấy cam kết cho rằng chị L ngoại tình. Chị L cho rằng anh D viết bản cam kết này, chị buộc phải ký tên vào bản cam kết này là theo ý chí của

anh D nhằm giữ cho gia đình êm ấm, không bị tan vỡ, chứ chị không có ngoại tình. Còn anh D cho rằng chị ngoại tình thì anh D phải cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh trước Tòa. Tòa án nhiều lần triệu tập anh D đến trụ sở làm việc, đối chất nhưng anh D đều vắng mặt không lý do nên Tòa án lập biên bản không tiến hành làm việc, đối chất được. Xác minh tại UBND xã VT nơi các đương sự cư trú thì địa phương trả lời do anh D và chị L không có nộp đơn tại chính quyền địa phương nên địa phương không nắm được mâu thuẫn vợ chồng giữa anh D và chị L. Căn cứ trình bày của chị L tại Tòa, tài liệu, chứng cứ thu thập có tại hồ sơ, HĐXX xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị L và anh D dành cho nhau không còn và không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 53 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Bùi Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

[2].Về nuôi con chung: Tại Tòa, chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung cháu H và cháu T, còn cháu T1 đã trưởng thành có khả năng lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con. Còn anh D vắng mặt tại phiên tòa nhưng theo trình bày trên của anh D về con chung thì xem như anh D đồng ý giao 02 con chung cháu H và cháu T cho chị Lan chăm sóc, nuôi dưỡng. Đồng thời, theo lời khai của cháu H và cháu T có tại hồ sơ, nguyện vọng của các cháu sau khi cha mẹ ly hôn được sống chung với mẹ L. Như vậy, yêu cầu nuôi 02 con chung cháu H và cháu T của chị L là có cơ sở nên được HĐXX xem xét chấp nhận, tạm thời anh D không phải cấp dưỡng nuôi con.

[3].Về chia tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4].Về án phí: Chị Bùi Thị L phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu tại phiên tòa sơ thẩm:

- Về thủ tục tố tụng:

+ Về quan hệ pháp luật: Tòa án xác định quan hệ pháp luật "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" là đúng.

+ Về tư cách đương sự: Tòa án xác định tư cách đương sự trong vụ án là đúng.

+ Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án Hôn nhân và gia đình đúng thẩm quyền.

+ Về thời hạn giải quyết vụ: Đảm bảo đúng thời hạn theo quy định của pháp luật.

- Về việc tuân theo quy định pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc tuân thủ pháp luật của các đương sự: Các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của pháp luật. Anh D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Thị L về quan hệ hôn nhân; về nuôi con chung. Còn về tài sản chung và nợ chung đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Bùi Thị L và anh Nguyễn Văn D.

2. Về nuôi con chung: Giao 02 con chung Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 12/4/2002; Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 26/4/2004 cho chị Bùi Thị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời anh Nguyễn Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn anh D không nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản. Khi cần thiết vì lợi ích của con các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị L phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà chị L đã nộp theo biên lai thu số: 001434 ngày 19/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VC. Chị L đã nộp đủ án phí.

5. Nguyên đơn chị L có quyền kháng cáo trong hạn 15 kể từ ngày tuyên án; bị đơn anh D vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh ĐN;
- VKSND huyện VCu;
- THADS huyện VC;
- UBND xã VT;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

Nguyễn Phạm Tuân